TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản ánsố:**153**/2025/HSST
Ngày: 05/03/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Tô Thanh Tú**

+ Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bùi Thị Việt Nga
2. Bà Lục Thanh Thủy

- *Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Ông Từ Khánh Duy – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Ông Trịnh Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 03 năm 2025, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm kín vụ án hìnhgghh sự thụ lý số 896/2024/HSST ngày 27/12/2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn D, (tên gọi khác: Sáu S), sinh năm 1967; tại Long An; Giới tính: Nam; Nơi ĐKNKTT: xã M, huyện C, tỉnh Long An và nơi ở: ấp A, xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 03/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Văn C (đã chết); Con bà: Hồ Thị S1 (đã chết); Bị cáo có 05 con; con lớn nhất sinh năm 1992, con nhỏ nhất sinh năm 2004; D1 chỉ bản số 635 do Công an thành phố H cấp ngày 05/10/2024; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt truy nã ngày 03/10/2024; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố H. Có mặt tại phiên tòa.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Hoàng P, sinh năm 1944
HKTT: A đường P, phường C, quận H, thành phố Hồ Chí Minh.
Hiện ở: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng
Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội thì vụ án có nội dung như sau:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 31/12/1998, tại Trung tâm B, 8 phố N, phường N, quận B, thành phố Hà Nội, Phòng C1 - Công an thành phố H bắt quả tang Nguyễn Văn H (Sinh năm: 1957) và Quách Văn T (Sinh năm: 1974) cùng trú tại: Số A phố L, quận Đ, thành phố Hà Nội mang theo một túi đựng thuốc để bán cho các quầy thuốc (nghi

là thuốc giả). Tổ công tác tiến hành kiểm tra, phát hiện bên trong túi do Quách Văn T mang theo có 23 lọ thuốc nhãn hiệu Rocephine (là thuốc kháng sinh có hoạt chất ceftriaxone) và 20 lọ thuốc nhãn hiệu Fortum (là thuốc kháng sinh có hoạt chất ceftazidim) (nghi là thuốc giả).

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn H và Quách Văn T tại số A phố L, quận Đ, thành phố Hà Nội, cơ quan điều tra đã thu giữ: 62 lọ thuốc nhãn hiệu Unasyn (là thuốc kháng sinh có hoạt chất ampicillin và sulbactam); 67 lọ thuốc nhãn hiệu Fortum; 7 lọ thuốc nhãn hiệu Rocephine và 12 lọ thuốc nhãn hiệu Nebcin (là thuốc kháng sinh có hoạt chất tobramycin) (nghi là thuốc giả).

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Văn H khai: Toàn bộ số thuốc cơ quan điều tra thu giữ khi bắt quả tang và khi khám xét nơi ở của H là do H mua của Phạm Hoàng P (Sinh năm: 1944; Trú tại: Số A đường P, phường C, quận H, thành phố Hồ Chí Minh).

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Hoàng P tại số A đường P, phường C, quận H, thành phố Hồ Chí Minh, Cơ quan điều tra đã thu giữ: 26 lọ thuốc nhãn hiệu Unasyn; 60 lọ nhãn hiệu Rocephine; 60 lọ thuốc nhãn hiệu Nebcin; 03 lọ thuốc nhãn hiệu Fortum và 175 lọ thuốc bột màu trắng các loại (chưa có nhãn mác) cùng nhiều đơn thuốc, vỏ hộp, vỏ lọ thuốc các loại đã sử dụng hết.

Quá trình điều tra xác định:

Từ năm 1992 đến năm 2000, Nguyễn Văn D (tức Sáu S) làm nghề mua, bán ve chai. Khoảng năm 1998, D quen biết Phạm Hoàng P là người chuyên mua các loại thuốc tân dược đã hết hạn sử dụng để mang về bán lại kiếm lời. D hỏi P có mua thuốc tân dược không, P đồng ý và đã mua của D thuốc tân dược nhãn hiệu Rocephin không có nước cất với giá từ 8.000 đồng/lọ đến 9.000 đồng/lọ. Sau đó, P bán lại cho những người buôn bán thuốc thú y với giá từ 13.000 đồng/lọ đến 14.000 đồng/lọ. Đến khoảng tháng 8/1998, Nguyễn Văn H nhờ em trai là Nguyễn Văn V (Sinh năm: 1960; Trú tại: P chung cư T, phường A, quận C, thành phố Hồ Chí Minh) mua các loại thuốc nhãn hiệu Rocephin, F, U và N tại thành phố Hồ Chí Minh và chuyển ra Hà Nội để H bán lại kiếm lời. Thông qua một người phụ nữ tên là H1 (không xác định được nhân thân), V đã đến gặp P để hỏi mua 04 loại thuốc trên thì P đồng ý. P đã báo cho D để D đi thu gom các loại thuốc trên bán lại cho P. D đã mang đến nhà Phi 04 loại thuốc trên kèm theo một số đơn thuốc, lọ thuốc bột chưa dán nhãn mác, vỏ hộp của bốn loại thuốc. D hướng dẫn P cách bóc tách nhãn mác từ các vỏ lọ thuốc (đã sử dụng hết thuốc) để dán sang các lọ thuốc bột chưa dán nhãn mác rồi đóng vào hộp bán cho V và các khách hàng khác. Từ tháng 3/1998 đến tháng 12/1998, D đã bán cho P tổng cộng 1.009 lọ thuốc các loại gồm: 352 lọ thuốc nhãn hiệu Rocephine; 300 lọ thuốc nhãn hiệu Unasyn; 177 lọ thuốc Nebcin và 180 lọ thuốc nhãn hiệu Fortum với giá từ 9.000 đồng/lọ đến 28.000 đồng/lọ. Sau khi mua của D, P đã bán cho Nguyễn Văn V và Âu Tuấn K (là con trai của H) 292 lọ thuốc nhãn hiệu Rocephine; 274 lọ thuốc nhãn hiệu Unasyn; 117 lọ thuốc Nebcin và 177 lọ thuốc nhãn hiệu Fortum, với giá từ 20.000 đồng/lọ đến 45.000 đồng/lọ. Số thuốc còn lại, P cất giữ tại nhà và bị cơ quan điều tra phát hiện, thu giữ.

Sau khi mua 04 loại thuốc trên của P, V và K đã chuyển ra Hà Nội cho H (K giữ lại 70 lọ vì bị quá cước vận chuyển và đã giao nộp cho cơ quan điều tra). H đã bán được 242 lọ thuốc nhãn hiệu Rocephin; 200 lọ thuốc nhãn hiệu Unasyn; 85 lọ thuốc nhãn hiệu Nebcin và 70 lọ thuốc nhãn hiệu Fortum cho các khách hàng khác nhau với giá từ 65.000 đồng/lọ đến 70.000 đồng/lọ. Số còn lại H chưa kịp tiêu thụ thì bị Cơ quan công an kiểm tra, thu giữ.

Tại bản Kết luận giám định số 685/C21 ngày 07/6/1999 của V1 - Bộ C2, kết luận: Toàn bộ số thuốc nhãn hiệu Unasyn, nhãn hiệu Fortum, nhãn hiệu Rocephine, nhãn hiệu Nebcin thu giữ của Quách Văn T, Nguyễn Văn H, Phạm Hoàng P, Âu Tuấn K đều là thuốc giả.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Hoàng P, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn V, Âu Tuấn K khai phù hợp nội dung vụ án như trên.

Nguyễn Văn D khai nhận: Từ giữa năm 1998 đến cuối năm 1998, D đã bán cho P 02 loại thuốc nhãn hiệu Rocephine, U và một số loại thuốc khác D không nhớ tên. D không nhớ số lượng thuốc giả đã bán cho P. D đã bán cho P gồm: Các lọ thuốc còn nguyên tem, nhãn chưa sử dụng; các lọ thuốc còn nguyên tem, nhãn đã sử dụng hết thuốc hoặc còn một ít thuốc; các lọ thuốc bột chưa sử dụng không có tem, nhãn; các lọ thuốc bột đã sử dụng không có tem, nhãn; các vỏ hộp thuốc còn nguyên tem, nhãn. Khi bán các lọ thuốc, vỏ hộp thuốc ở trên D biết P mua về để làm giả sử dụng cho thú y, không nghĩ P làm giả để bán cho người sử dụng. D không hướng dẫn P cách bóc tách nhãn mác từ các vỏ lọ thuốc (đã sử dụng hết thuốc) để dán sang các lọ thuốc bột chưa dán nhãn mác rồi đóng vào hộp bán cho khách. Sau khi biết P bị Cơ quan Công an bắt về hành vi Buôn bán thuốc giả, D đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú. Mặc dù D chỉ khai nhận một phần hành vi phạm tội của mình tuy nhiên căn cứ vào lời khai của P, bà Nguyễn Thị Thu T1 (là vợ P), lời khai những người liên quan, tang vật thu giữ và các tài liệu khác có đủ căn cứ kết luận Nguyễn Văn D có hành vi bán 04 loại thuốc giả cho Phạm Hoàng P như trên.

Đối với Phạm Hoàng P: Ngày 02/3/2000, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã xử phạt Phạm Hoàng P 07 năm tù về tội Buôn bán hàng giả theo khoản 2 Điều 167 Bộ luật Hình sự năm 1985. Vật chứng của vụ án đã bị tiêu hủy nên không có cơ sở xác định trị giá hàng giả tương đương với hàng thật. Căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13, hành vi của Nguyễn Văn D cấu thành tội Buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh theo khoản 1 điều 194 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đối với Nguyễn Doãn P1 và Nguyễn Văn H: Quá trình điều tra thấy hành vi của P1 và H chưa cần thiết truy tố trước pháp luật nên ngày 16/02/2000, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã ra Quyết định đình chỉ điều tra bị can số 05, 06 đối với Nguyễn Doãn P1 và Nguyễn Văn H.

Đối với Quách Văn T: T là người làm thuê cho H, T không biết số thuốc cơ quan điều tra thu giữ của T là giả nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với Nguyễn Văn V và Âu Tuấn K: Anh V, anh K không biết số thuốc mua của Phạm Hoàng P là giả nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Tại cáo trạng số **08**/CT-VKSHN-P1 ngày 23/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã truy tố bị cáo: **Nguyễn Văn D (tức Sáu S)** về tội *"Buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh"*. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 167 Bộ luật hình sự năm 1985 (được sửa đổi, bổ sung năm 1992). Nay là khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên toà: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội sau khi phân tích tính chất vụ án, mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội cũng như vai trò của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 194; khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt: Nguyễn Văn D (tức Sáu S) từ 03 đến 04 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: không xem xét

Lời nói sau cùng : Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, không có bị cáo nào khiếu nại về hành vi tố tụng của những người tiến hành tố tụng, nên các tài liệu đã được thu thập trong hồ sơ là hợp pháp.

[2] Về nội dung:

Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với những lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 3/1998 đến tháng 12/1998, Nguyễn Văn D bán cho Phạm Hoàng P tổng cộng 1.009 lọ thuốc giả các loại gồm: 352 lọ thuốc mang nhãn hiệu Rocephine; 300 lọ thuốc mang nhãn hiệu Unasy; 177 lọ thuốc mang nhãn hiệu Nebcin; 180 lọ thuốc mang nhãn hiệu Fortum và các loại thuốc bột chưa dán nhãn, vỏ hộp thuốc, lọ thuốc đã sử dụng hết còn nguyên nhãn để bán cho P kiếm lời.

Như vậy có đủ cơ sở kết luận Nguyễn Văn D (tức Sáu S) phạm tội *"Buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh"*. Hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra trước thời điểm có hiệu lực của Bộ luật hình sự năm 2015 nhưng đến năm 2024 sau khi bị cáo bị bắt truy nã mới điều tra, truy tố xét xử. Hành vi buôn bán hàng gỉa là thuốc chữa bệnh của bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 167 Bộ luật hình sự năm 1985 sẽ bị xử phạt từ 05-15 năm tù; theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 2015 bị cáo sẽ bị xử phạt từ 02 – 07 năm tù. Như vậy, áp dụng theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo về việc áp dụng điều khoản nhẹ hơn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 2015 để giải quyết vụa án.

[**3]** Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo đã khai báo một phần hành vi phạm tội, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự xem xét áp dụng cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Xét vụ án có tính chất nghiêm trọng bởi lẽ: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, cụ thể là lĩnh vực kinh doanh thương mại.được pháp luật bảo vệ. Hành vi buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh của bị cáo đã tiếp tay cho hành vi đưa thuốc giả đến tay người tiêu dùng,làm ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân. Vì vậy, cần thiết phải áp dụng hình phạt tù giam nghiêm khắc nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung trong cộng đồng.

Về hình phạt bổ sung : Bị cáo không có nghề nghiệp nên xét miễn áp dụng.

[4] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D (tức Sáu S) phạm tội "Buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh".

Căn cứ khoản 1 Điều 194; khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015

*Xử phạt: Nguyễn Văn D (tức Sáu S) 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt truy nã 03/10/2024.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

*Về án phí: Căn cứ điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 mục I Danh mục án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

*Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần quyết định liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

***Nơi nhận*:**
- CA, VKSND, Cục THADS TP Hà Nội.
- Trại tạm giam số 01- CATP Hà Nội.
- Bị cáo.
- Người bào chữa cho bị cáo.
- UBND xã/phường noi bị cáo cư trú
- Lưu HS,VP.

T/m. Hội đồng xét xử sơ thẩm
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Thanh Tú